

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST

Ngày: 10-7-2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Chánh.

2. Bà Đặng Thị Thu Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn D, sinh năm: 1957; Địa chỉ: Khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:*

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1979.

- Bà Lê Thị H, sinh năm: 1966.

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

3. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Văn U, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

(Ông D có mặt; ông U có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Đ và bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn D trình bày:

Ngày 31/3/2022, ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị H có hỏi vay của ông số tiền 50.500.000 đồng, thời gian vay là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận là 3,5%/tháng. Ông Đ, bà H vay tiền để sử dụng vào mục đích của gia đình và mua xe.

Khi vay tiền ông Đ, bà H có giao cho ông bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Lê Thị H, số phát hành CN 611597, số vào sổ cấp GCN: CH01635 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Hưng cấp ngày 16/11/2018 và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Thị H số 301303730 do Công an tỉnh Long An cấp ngày 29/10/2012.

Ngày 20/4/2022, ông Đ và bà H có trả cho ông được số tiền 500.000 đồng, đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông Đ, bà H không trả nợ cho ông.

Tại phiên tòa, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị H phải liên đới trả cho ông số tiền gốc 50.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng, cụ thể: 50.000.000 đồng (do ông Đ, bà H đã trả được 500.000 đồng) tính từ ngày 31/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 16 tháng 10 ngày (50.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 16 tháng 10 ngày = 13.556.666 đồng) thành tiền là 13.556.000 đồng (đã làm tròn).

Như vậy, ông Đ và bà H phải liên đới trả cho ông tổng số tiền 63.556.000 đồng (50.000.000 đồng tiền gốc + 13.556.000 đồng tiền lãi suất = 63.556.000 đồng). Ông D đồng ý trả lại cho ông Đ, bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Lê Thị H, số phát hành CN 611597, số vào sổ cấp GCN: CH01635 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Hưng cấp ngày 16/11/2018 và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Thị H số 301303730 do công an tỉnh Long An cấp ngày 29/10/2012.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn U trình bày: Ông có chứng kiến việc ông Đ, bà H hỏi vay tiền của ông D với tổng số tiền là 50.500.000 đồng, khi các bên giao nhận tiền và viết biết nhận nợ thì ông có chứng kiến.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Ông D yêu cầu ông Đ, bà H phải liên đới trả cho ông tổng số tiền nợ vay là 50.000.000 đồng và lãi suất 1,66% tháng tính từ ngày 31/3/2022 (nhằm ngày 29/02/2022 âm lịch) đến khi giải quyết xong vụ án là có cơ sở chấp nhận, bởi vì: Căn cứ vào “hai biên nhận mượn tiền ngày 29/02/2022 (âm lịch)” có chữ ký của ông Đ, bà H thể hiện ông Đ, bà H có vay của ông D số tiền 50.500.000 đồng, có sự chứng kiến của ông U. Do đó, buộc ông Đ, bà H phải liên đới trả cho ông D số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất 1,66% tháng tính từ ngày 31/3/2022 (nhằm ngày 29/02/2022 âm lịch) đến khi giải quyết xong vụ án là có cơ sở theo quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông D đồng ý trả lại cho ông Đ, bà H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 611597 cấp ngày 16/11/2018 và giấy chứng minh nhân dân số 301303730 của bà Lê Thị H đứng tên là sự tự nguyện nên được ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị H có địa chỉ tại Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Ông Đ, bà H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Đ, bà H nhưng ông Đ và bà H vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ông D yêu cầu ông Đ, bà H phải liên đới trả số tiền vay là 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng, ông D cung cấp hai giấy biên nhận mượn tiền có chữ ký và ghi tên Nguyễn Văn Đ, Lê Thị H. Ông D đồng ý trả lại cho ông Đ, bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Lê Thị H, số phát hành CN 611597, sổ vào sổ cấp GCN: CH01635 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Hưng cấp ngày 16/11/2018 và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Thị H số 301303730 do Công an tỉnh Long An cấp ngày 29/10/2012.

[3]. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Ông D đồng ý trả lại cho ông Đ, bà H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Lê Thị H, số phát hành CN 611597, sổ vào sổ cấp GCN: CH01635 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Hưng cấp ngày 16/11/2018 và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Thị H số 301303730 do công an tỉnh Long An cấp ngày 29/10/2012 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.2] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành sao gửi chứng cứ do Trần Văn D cung cấp cho ông Đ, bà H tiếp cận chứng cứ theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Tòa án tiến hành thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Đ và bà H biết. Tuy nhiên, ông Đ và bà H không phản đối với chứng cứ do ông D cung cấp và ông Đ, bà H cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc không vay tiền ông D. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận tình tiết này là sự thật.

Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

[3.3] Đồng thời, khi ông D cho ông Đ và bà H vay tiền thì có ông Nguyễn Văn U chứng kiến và ông U cũng thừa nhận việc ông Đ, bà H có vay tiền của ông D.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: việc ông D cho ông Đ, bà H vay tiền là có thật. Nay ông D yêu cầu ông Đ, bà H phải liên đới trả 50.000.000 đồng tiền vay là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự thì “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

[3.4] Ông Dương yêu cầu ông Đ, bà H phải liên đới trả lãi đối với số tiền vay, thời hạn tính lãi kể từ ngày ký biên nhận mượn tiền đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất là 1,66%/tháng, thành tiền là 13.556.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm (1,66%/tháng) của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.....*”.

Như vậy, ông D yêu cầu ông Đ, bà H phải liên đới trả tổng số tiền 63.556.000 đồng (50.000.000 đồng tiền gốc + 13.556.000 đồng tiền lãi suất = 63.556.000 đồng) là có căn cứ.

[3.5] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[3.6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của ông D được chấp nhận nên ông Đ và bà H phải liên đới chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ông D.

Ông Trần Văn D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông D được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí sơ thẩm theo quy định tại điểm đ (người cao tuổi), Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 288, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D đối với ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị H về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn D tổng số tiền 63.556.000 đồng (50.000.000 đồng tiền gốc + 13.556.000 đồng tiền lãi suất = 63.556.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Ông Trần Văn D có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Lê Thị H, số phát hành CN 611597, số vào sổ cấp GCN: CH01635 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Hưng cấp ngày 16/11/2018 (bản chính) và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Thị H số 301303730 do Công an tỉnh Long An cấp ngày 29/10/2012 (bản chính).

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị H phải liên đới chịu 3.177.000 đồng (đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, ông D được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THA DS;
- Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Chí Dũng